

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Tha

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 687/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Thứ, phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trần Qu, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Thứ, phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Qu kết hôn năm 2008 và đã được Ủy ban nhân dân phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2008 ngày 30/5/2008. Qua quá trình chung sống ông bà có với nhau 03 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2008; Trần Minh Ph, sinh ngày 28/5/2011 và Trần Thu Ngọc Ng, sinh ngày 13/9/2015. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không có hạnh phúc, ông Qu thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiêu căng, đánh đập bà, ông Qu thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái, không phụ giúp kinh tế trong gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Qu.

Về con chung: Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng 03 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2008; Trần Minh Ph, sinh ngày 28/5/2011 và Trần Thu Ngọc Ng, sinh ngày 13/9/2015 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông Qu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Qu tự thỏa về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà xác định không có nợ chung với ông Qu.

Bị đơn ông Trần Qu đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Cháu Trần Minh K, Trần Minh Ph và Trần Thu Ngọc Ng có nguyện vọng xin ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, công khai đảm bảo quyền lợi hợp pháp. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung: Giao 03 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2008; Trần Minh Ph, sinh ngày 28/5/2011 và Trần Thu Ngọc Ng, sinh ngày 13/9/2015 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông Trần Qu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Qu tự thỏa về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông Qu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/01/2024, nguyên đơn bà Đoàn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Trần Qu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn ông Trần Qu hiện cư trú tại: Tổ dân phố Phú Thứ, phường G, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị H và ông Trần Qu kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Đông, thị xã N,

tỉnh Khánh Hòa và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2008 ngày 30/5/2008 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Đoàn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông Qu không hạnh phúc do thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi vì tính tình hai bên không hợp nhau, ông Qu thường xuyên nhậu nhẹt rồi kiếm cớ chửi mắng, đánh đập bà, ông Qu thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái, không phụ giúp kinh tế trong gia đình. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng, ông Qu cố tình vắng mặt không đến Tòa, điều này đủ cơ sở xác định ông Qu không còn quan tâm đến bà H. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà H với ông Qu không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời khai của bà H thì có ba con chung là Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2008; Trần Minh Ph, sinh ngày 28/5/2011 và Trần Thu Ngọc Ng, sinh ngày 13/9/2015; bà H tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi trưởng thành. Các cháu K, cháu Ph và cháu Ng hiện đang sinh sống với bà H và các cháu có nguyện được ở với bà H. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao cháu K, cháu Ph và cháu Ng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và xác định không nợ chung với ông Qu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Đoàn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H.

1.1. Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị H được ly hôn ông Trần Qu.

1.2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 04/12/2008; Trần Minh Ph, sinh ngày 28/5/2011 và Trần Thu Ngọc Ng, sinh ngày 13/9/2015 cho bà Đoàn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Trần Qu không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Qu có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001509 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- UBND p. G, GCNKH số: 28 ngày 30/5/2008;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh